TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:201/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 9 – 2021
Vv *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Thắng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Minh Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Cúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Tư Thình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1995. Địa chỉ: khối B thị trấn, huyện N, tỉnh Quảng Nam

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1987. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

+ Về hôn nhân: Tôi và ông Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Thành vào năm 2017. Sau khi kết hôn, hai người chung sống với nhau tại xã Tam Xuân 1 được một thời gian thì phát mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông H thường bài bạc, đi làm không đưa tiền về để tôi lo cho gia đình. Từ khi mới cưới, ông H đã thường xuyên lấy tiền, vàng của tôi đi tiêu xài cá nhân. Mới đây, tôi đưa tiền đi nộp tiền điện thì tiêu xài hết nên bị cắt điện, khi tôi nói thì bị ông H đánh gây thương tích phải nằm bệnh viện điều trị. Sau khi xuất viện, tôi đã đưa con về nhà cha mẹ đẻ ở khối 4 thị trấn Núi Thành sống cho đến nay. Hiện tại hai người không còn sống chung, không

còn lo lắng, chăm sóc cho nhau và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên tôi yêu cầu được ly hôn.

+ Về con chung: Có một con chung tên Trần Duy H1, sinh ngày năm 2017, đang ở với tôi. Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu, ông H phải cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 2.000.000 đồng ;

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Tôi không mong muốn ly hôn, không đồng tình với yêu cầu ly hôn của vợ tôi. Bởi vì, trong cuộc sống vợ chồng đôi khi không thể tránh khỏi những việc xích mích, lời qua tiếng lại. Điều quan trọng là đến nay mỗi người đều biết được cái sai của mình và sửa đổi nên ly hôn là không cần thiết. Tôi muốn vợ tôi nên suy nghĩ lại việc xin ly hôn và rút đơn xin ly hôn để vợ chồng quay lại sống với nhau, lo vụ đắp gia đình, lo nuôi con. Cháu mới được bốn tuổi nên việc cha mẹ ly hôn làm ảnh hưởng rất lớn đối với con sau này.

+ Về con chung: Có một con chung tên Trần Duy H1, sinh ngày năm 2017, đang ở với vợ tôi. Nếu vợ tôi quyết định ly hôn, tôi xin được quyền nuôi con và không yêu cầu vợ cấp dưỡng. Bởi vì điều kiện kinh tế, thu nhập, thời gian làm việc của tôi tốt hơn vợ tôi, có thời gian chăm lo dạy bảo cho con hơn vợ. Việc vợ tôi nuôi con thì tôi chăm sóc con sẽ rất khó khăn, vì ba vợ luôn hăm dọa, đòi đánh tôi nếu tôi vào thăm con hay thấy mặt tôi. Tôi nuôi con thì việc thăm con của vợ tôi sẽ dễ dàng hơn rất nhiều, bởi vì tôi luôn tạo điều kiện tốt nhất để cho con tôi được gần mẹ. Tôi cũng không an tâm để cho con tôi sống trong môi trường tương đối phức tạp, còn địa bàn nơi tôi sống tốt hơn, có đầy đủ để con tôi phát triển.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành phát biểu quan điểm như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Núi Thành thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã triệu tập các bên đương sự đến hòa giải nhưng các bên không thống nhất được việc ly hôn, nuôi con. Tại phiên tòa có mặt các bên đương sự nên Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử là đúng quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà L và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của hai người là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông H đã đánh bà L gây thương tích phải nằm bệnh viện điều trị. Sau khi xuất viện, bà L đã đưa con về nhà cha mẹ đẻ ở khối 4 thị trấn Núi Thành sống đến nay. Từ đó đến nay hai người không còn sống chung, không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa hai người đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục, bà L luôn yêu cầu được ly hôn và không đồng ý về đoàn tụ với ông H nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lượm.

Về con chung: Bà L và ông H có một con chung tên Trần Duy H1, sinh năm 2017. Cháu Hưng hiện đang ở với bà L được bà L nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục và cũng tạo điều kiện cho ông H thăm nom, chăm sóc con. Bà L và ông H đều có việc làm, có thu nhập ổn định và điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con. Từ trước đến nay bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con và vẫn tạo điều kiện cho ông H thăm nom, chăm sóc giáo dục và đón đưa con. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý và không làm thay đổi môi trường sống của cháu Hưng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L giao cháu Hưng cho bà L nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Xuân 1, nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Ông H cư trú tại xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, bà L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Núi Thành xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" là đúng với quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi thụ lý, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định, đã triệu tập các đương sự đến hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa có mặt các bên đương sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, giữa bà L và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn và hai người không tự khắc phục được nên dẫn đến việc bà L yêu cầu ly hôn. Do không khắc phục được đã dẫn đến việc ông H đánh bà L gây thương tích phải nằm bệnh viện điều trị. Sau khi xuất viện, bà L đã đưa con về nhà cha mẹ đẻ ở khối 4 thị trấn Núi Thành sống đến nay. Hai người không còn sống chung, không còn quan tâm, lo lắng chăm sóc cho nhau. Cho dù ông H mong muốn được đoàn tụ nhưng vì tình cảm không còn, bà L cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà L yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: Bà L với ông H có một con chung tên Trần Duy H1, sinh năm 2017, hiện đang ở với bà L. Bà L, ông H đều là công nhân, có thu nhập ổn định và điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con. Từ trước đến nay, bà L là người trực

tiếp nuôi dưỡng, vẫn tạo điều kiện cho ông H thăm nom, chăm sóc và đón đưa con. Nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý và không làm thay đổi môi trường sống hiện tại của cháu Hưng, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của của bà L, giao cháu Hưng cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy ông H khai thu nhập mỗi tháng khoảng 11.000.000 đồng, cho nên mức cấp dưỡng mà bà L yêu cầu là hợp lý, ông H phải cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 01/10/2021 đến khi cháu H1đủ 18 tuổi.

Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Các Điều 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" đối với ông Trần Văn H;

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Văn H;

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Duy H1, sinh ngày tháng năm 2017 đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn H phải cấp dưỡng cho cháu Trần Duy Hưng mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến khi cháu Hưng đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu ông Trần Văn H không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Trần Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con;

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung và cho vay mượn nợ: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp ngày 09 tháng 6 năm 2021 theo biên lai thu số 0003303 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành. Ông Trần Văn H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Núi Thành;*
- *THADS huyện Núi Thành;*
- *UBND xã Tam Xuân 1;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Thắng